

Bản án số: 104/2018/DS-PT
Ngày: 21-5-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tâm

Ông Ngô Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 130/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1959

- Bà Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Tổ 04, ấp PA.A, xã PV, thị xã TC, tỉnh An Giang

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà L: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số 27 đường TP, tổ 2, khóm LT.C, phường LH, thị xã TC, tỉnh An Giang

(Theo văn bản ủy quyền ngày 18/5/2018)

2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1966 (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 02, ấp PH1, xã LC, thị xã TC, tỉnh An Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X: Luật sư Lôi Văn Đ – Văn phòng luật sư HĐ (Địa chỉ: Số 368 CT, TP.CĐ, tỉnh An Giang), thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt)

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị X – bị đơn

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TX.TC, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Vào ngày 13/3/2013 AL bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị N có cùng đến vay của ông Đ, bà L số tiền 500.000.000đ với mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng, bà X với bà N có ký vào biên nhận nợ, việc vay không thỏa thuận thời gian trả nợ, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì phía bà X có nộp cho ông Đ, bà L được 2 tháng lãi bằng số tiền 8.000.000đ cho đến nay. Riêng bà N có bán chiếc máy cày trả cho ông Đ, bà L được 300.000.000đ là hết nợ, đến ngày 30/12/2013 thì bà Nguyễn Thị N cùng với ông Đ, bà L đã thống nhất ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, phía bà N giao cho ông Đ, bà L 01 nền nhà để trừ bớt số nợ mà bà X đã vay, như vậy thì phần bà N vay của vợ chồng ông Đ, bà L đã hết nợ. Bà X thì còn nợ Ông Đ, bà L 100.000.000đ;

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2017 của ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Ngọc L yêu cầu bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đ, bà L số tiền vốn vay 200.000.000 đồng. Sau khi bàn bạc cản trở nợ giữa đôi bên ông Đ, bà L thay đổi yêu cầu so với nội dung đơn kiện ban đầu, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị X phải có trách nhiệm trả cho ông Đ, bà L tiền vốn vay 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ tháng 01 năm 2014 đến nay theo mức lãi nhà nước quy định. Đối với bà Nguyễn Thị N thì nguyên đơn đã thống nhất chuyển nhượng nền theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/12/2013 có công chứng để trừ đi số nợ 100.000.000đ nên đến nay bà N không còn nợ ông Đ bà L nữa, do đó ông Đ bà L đã có đơn xin rút yêu cầu đối với bà N. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm là xin rút yêu cầu đối với bà N.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà thừa nhận bà có vay của ông Đ bà L 200.000.000đ và có ký vào biên nhận nợ 15/3/2013 AL, do làm ăn bị thua lỗ nên không có tiền trả vốn và lãi cho ông Đ bà L. Do bà N đã chuyển nhượng nền cho ông Đ bà L để trừ đi 100.000.000đ của bà nên bà chỉ còn nợ ông Đ bà L 100.000.000 đ vốn. Hiện do hoàn cảnh khó khăn nên xin hẹn đến khi bán được nền đất mà bà đã thế chấp cho vợ chồng bà L sẽ trả dứt nợ gốc, riêng phần lãi xin không trả vì không có khả năng. Ngoài ra bà còn yêu cầu ông Đ bà L trả lại cho bà 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà đã thế chấp cho ông Đ bà L.

Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà thừa nhận có ký vào biên nhận nợ cùng với bà X để vay của ông Đ bà L 500.000.000đ (trong đó bà vay 300.000.000đ, bà X vay 200.000.000đ), sau đó bà đã giao chiếc máy cày cho ông Đ bà L để trừ đi số nợ 300.000.000 đ, đến ngày 30/12/2013 thì bà cùng với ông Đ bà L đã thống nhất ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà giao cho ông Đ bà L nền nhà để trừ bớt số nợ mà bà X đã vay, như vậy thì phần bà vay của vợ chồng ông Đ bà L đã hết nợ. Bà X thì còn nợ ông Đ bà L 100.000.000đ, nay bà thống nhất giao cho ông Đ bà L nền nhà theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/12/2013. Nay ông Đ bà L đã rút lại yêu cầu đối với bà, vì vậy bà thống nhất và không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì đối với ông Đ bà L.

Tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã TC tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn M.

Buộc bà Nguyễn Thị X phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Ngọc L do ông Nguyễn Văn M làm đại diện theo ủy quyền tiền vốn và lãi 133.250.000 đồng (*một trăm ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Ngọc L đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả 100.000.000 đ vốn và lãi suất.

Ông Nguyễn Tấn Đ bà Huỳnh Ngọc L phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị X 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH10303163 cấp ngày 24/8/2011 và CH10303170 cấp ngày 24/8/2011 do bà Nguyễn Thị X đứng tên (hai bản chính)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/02/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 22/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã TC, nội dung cụ thể:

- Kháng nghị Bản án số 12/2018/DS-ST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân thị xã TC về phần tính lãi suất, án phí và áp dụng pháp luật.

Ngày 05/02/2018 bà Nguyễn Thị X có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm vì bà cho rằng bà cùng với chị và em của bà vay của ông Đ bà L tổng cộng 600.000.000đ, sau đó bà N giao chiếc máy cày trị giá 330.000.000đ (ông Đ bà L trả lại tiền mặt 30.000.000đ), bà N sang nhượng 01 nền nhà trị giá 150.000.000đ, bà Th sang nhượng 01 nền nhà trị giá 150.000.000đ là đã cần trừ hết nợ. Tuy nhiên khi làm hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ thì ông Đ yêu cầu ghi giá 100.000.000đ để giảm thuế nên bà đồng ý, nay ông Đ cho rằng chỉ sang nhượng 01 nền nhà với giá 100.000.000đ thì bà yêu cầu triệu tập các nhân chứng là: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964, bà Bùi Thị Th, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1971; cùng cư trú: Tổ 2, ấp PH 1, xã LC, thị xã TC, tỉnh An Giang và triệu tập ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Ngọc L để đối chất với bà và hai nhân chứng.

Đối với phần lãi bà đã đóng được 8 tháng với mức lãi 4%/tháng/200.000.000đ là 64.000.000đ.

Do đó, bà không đồng ý với quyết định của án sơ thẩm buộc bà phải trả 100.000.000đ vốn và 33.250.000đ lãi nên yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, bà còn yêu cầu được miễn giảm án phí do hoàn cảnh khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn M - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X trình bày: Bà X thừa nhận còn nợ 100.000.000đ vốn. Tuy nhiên, đối với phần lãi đã đóng như bà X trình bày là có cơ sở vì trong biên nhận có ghi 4,5,6,7,8,9 trùng khớp với thời gian trả lãi sau khi bà X vay vào tháng 3 và cũng không lý do gì nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi bắt đầu từ tháng 01/2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần lãi bà X đã trả để trừ vào vốn và xem xét miễn giảm án phí cho bà X vì bà có đơn xin miễn giảm án phí có xác nhận của chính quyền địa phương là hoàn cảnh khó khăn.

Bà Nguyễn Thị X thống nhất với trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Ông Nguyễn Văn M trình bày: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn dựa vào các con số 4,5,6,7,8,9 ghi trong biên nhận nhưng không thể hiện nội dung gì cho rằng bà X có đóng lãi, do đó luật sư cho rằng bà X đã đóng lãi được 8 tháng là suy đoán, không có cơ sở. Đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân TX.TC thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị N không có ý kiến.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa án sơ thẩm đối với lãi suất là 28.575.000đ, áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xem xét giảm ½ án phí cho bà X là 3.214.500đ và áp dụng khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 cho đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị X kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà X thấy: Tại phiên tòa bà X thừa nhận còn nợ ông Đ bà L 100.000.000đ, bà chỉ yêu cầu xem xét số tiền lãi bà đã đóng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà trả 100.000.000đ tiền vốn là có cơ sở. Đối với yêu cầu kháng cáo bà cho rằng bà đóng được 08 tháng tiền lãi là 64.000.000đ nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Các con số 4,5,6,7,8,9 ghi trên tờ biên nhận không đủ cơ sở để xác định nguyên đơn ghi thời gian bà đóng lãi và nguyên đơn cũng không thừa nhận việc này mà chỉ thừa nhận bà có đóng được 02 tháng tiền lãi, do đó cấp sơ thẩm xác định bà chỉ trả được 02 tháng tiền lãi là phù hợp. Đối với yêu cầu xin miễn án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy bà X có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên giảm $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm cho bà.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang thấy rằng: Về thời gian tính lãi: Các bên thống nhất tính lãi từ tháng 01/2014, do đó thời gian tính lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 48 tháng 23 ngày chứ không phải 55 tháng như án sơ thẩm tuyên nên cần điều chỉnh lại thời gian tính lãi và án phí dân sự sơ thẩm. Về căn cứ áp dụng pháp luật là Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chứ không phải Pháp lệnh 10/2009/UBTV-QH12 ngày 27/2/2009 về án phí, lệ phí như kháng nghị của Viện Kiểm sát. Do đó, tính lại tiền lãi và án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là:

$$100.000.000\text{đ} \times 0,75\%/tháng \times 48 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 36.575.000\text{đ}$$

Bà X trả được 02 tháng lãi/100.000.000đ còn nợ là 8.000.000đ nên còn phải trả 28.575.000đ

Như vậy bà X phải trả vốn và lãi cho ông Đ bà L là 128.575.000đ.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà X phải chịu là 6.429.000đ, được giảm $\frac{1}{2}$ nên còn phải chịu 3.215.000đ.

[5] Về áp dụng pháp luật của cấp sơ thẩm: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nhưng lại căn cứ khoản 3 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự là chưa chính xác, cần căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự như kháng nghị của Viện kiểm sát.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, Điều 313 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị X.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân thị xã TC.

- Buộc bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tấn Đ và bà Huỳnh Ngọc L số tiền 128.575.000đ (*một trăm hai mươi tám triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) (trong đó vốn: 100.000.000đ, lãi: 28.575.000đ)

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 3.215.000đ (*ba triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng*).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0004446 ngày 05/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh An Giang.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị và không bị sửa có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. An Giang;
- TAND TX.TC;
- Chi cục THADS TX.TC;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Vũ